

Số: 39 /KH-UBND

*Cần Thơ, ngày 01 tháng 3 năm 2019*

**KẾ HOẠCH**  
**Đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng năm 2018**

Thực hiện Kế hoạch số 109/KH-TTCT ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Thanh tra Chính phủ về việc đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng (sau đây viết tắt là PCTN) cấp tỉnh năm 2018, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng năm 2018, cụ thể:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích**

Đánh giá đúng những nỗ lực và kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý nhà nước và thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN và công tác phòng ngừa, phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng của Ủy ban nhân dân thành phố và sở, ban ngành thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện; từng bước nâng cao chất lượng báo cáo công tác PCTN và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về PCTN.

**2. Yêu cầu**

a) Báo cáo đánh giá công tác PCTN năm 2018 được thực hiện bằng cách cho điểm theo Bộ chỉ số đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 63/QĐ-TTCT ngày 26 tháng 02 năm 2018 của Tổng Thanh tra Chính phủ; mỗi nội dung đánh giá yêu cầu phải có số liệu, tài liệu chứng minh cụ thể;

b) Việc triển khai thực hiện đánh giá công tác PCTN năm 2018 phải được tiến hành khẩn trương, nghiêm túc, đúng tiến độ, đảm bảo khoa học, tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục tiêu, yêu cầu, nội dung, phạm vi, đối tượng, phương pháp theo hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ, phát huy đầy đủ trách nhiệm và quan hệ phối hợp giữa sở, ban ngành thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện trong việc cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ cho việc tổng hợp, đánh giá đạt hiệu quả.

**II. NỘI DUNG**

**1. Nội dung đánh giá**

Thực hiện theo Bộ chỉ số đánh giá công tác PCTN năm 2017 ban hành kèm theo Quyết định số 63/QĐ-TTCT ngày 26 tháng 02 năm 2018 của Tổng Thanh tra Chính phủ và Kế hoạch số 109/KH-TTCT ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Tổng Thanh tra Chính phủ, cụ thể:

- a) Công tác quản lý nhà nước về PCTN:
  - Công tác lãnh đạo, chỉ đạo về PCTN;

- Nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện thể chế về công tác quản lý kinh tế, xã hội để phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng;

- Công tác giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN;

- Công tác thanh tra, kiểm tra;

- Sự tham gia của xã hội trong công tác PCTN;

- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về PCTN.

b) Kết quả thực hiện công tác PCTN:

- Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng;

- Kết quả phát hiện các hành vi tham nhũng;

- Kết quả xử lý các hành vi tham nhũng.

## **2. Đối tượng, phạm vi đánh giá**

a) Công tác quản lý nhà nước về PCTN của Ủy ban nhân dân thành phố, sở, ban ngành thành phố;

b) Kết quả thực hiện các quy định về PCTN của sở, ban ngành thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện.

## **3. Thời kỳ đánh giá**

Từ ngày 16 tháng 12 năm 2017 đến ngày 15 tháng 12 năm 2018.

## **4. Phương pháp đánh giá**

Đánh giá từng chỉ số theo hướng dẫn chi tiết tại Phụ lục I (Đính kèm).

## **5. Thời gian tiến hành**

a) sở, ban ngành thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện thu thập thông tin, tài liệu, tổng hợp số liệu, xây dựng báo cáo đánh giá công tác PCTN của đơn vị mình gửi về Thanh tra thành phố **trước ngày 22 tháng 3 năm 2019**;

b) Giao Thanh tra thành phố chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thu thập thông tin, tài liệu, tổng hợp số liệu, kiểm tra, rà soát, xây dựng báo cáo đánh giá và lập hồ sơ đánh giá công tác PCTN năm 2018 trình Ủy ban nhân dân thành phố **trước ngày 23 tháng 4 năm 2019**.

## **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Căn cứ Quyết định số 63/QĐ-TTCT ngày 26 tháng 02 năm 2018 của Tổng Thanh tra Chính phủ và tài liệu hướng dẫn đánh giá công tác PCTN năm 2017 của Thanh tra Chính phủ, sở, ban ngành thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện báo cáo đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng năm 2018 của cơ quan, đơn vị mình, yêu cầu lập danh sách và cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu, số liệu để chứng minh, phục vụ cho việc tổng hợp gửi về Thanh tra thành phố **trước ngày 22 tháng 3 năm 2019**.



2. Ngoài việc báo cáo đánh giá công tác PCTN năm 2018 trong phạm vi quản lý của mình, các cơ quan, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhà nước trên các ngành, lĩnh vực có trách nhiệm báo cáo chi tiết, cụ thể và cung cấp đầy đủ các văn bản, tài liệu, số liệu có liên quan gửi Ủy ban nhân dân thành phố (qua Thanh tra thành phố) **trước ngày 22 tháng 3 năm 2019** để lập hồ sơ đánh giá công tác PCTN năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố, cụ thể:

a) Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố: Cung cấp các văn bản, tài liệu, số liệu liên quan đến kết quả công tác giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các đoàn thể trong công tác phòng, chống tham nhũng;

b) Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố: Báo cáo và thu thập, cung cấp các văn bản, tài liệu, số liệu về các văn bản do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành có liên quan đến 19 lĩnh vực phải công khai theo quy định của Luật PCTN đã công bố trên Cổng thông tin điện tử thành phố; Quy chế phối hợp giữa Ủy ban nhân dân thành phố, các đơn vị trực thuộc với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố; việc tiếp thu các kiến nghị sau giám sát; việc tiếp công dân của Lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố; việc tiếp nhận kiến nghị, phản ánh của công dân;

c) Công an thành phố: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo và thu thập, cung cấp các văn bản, tài liệu, số liệu liên quan đến việc phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng qua điều tra, khởi tố các vụ việc tham nhũng và thu hồi tài sản tham nhũng qua công tác này trên địa bàn thành phố;

d) Đề nghị Viện Kiểm sát nhân dân thành phố: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo và thu thập, cung cấp các văn bản, tài liệu, số liệu liên quan đến công tác truy tố tội phạm tham nhũng trên địa bàn thành phố;

đ) Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo và thu thập, cung cấp các văn bản, tài liệu, số liệu liên quan đến công tác xét xử tội phạm tham nhũng trên địa bàn thành phố;

e) Cục Thi hành án dân sự thành phố: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo và thu thập, cung cấp các văn bản, tài liệu, số liệu liên quan đến việc thu hồi tài sản tham nhũng và công tác điều tra, truy tố, xét xử trên địa bàn thành phố;

g) Sở Tư pháp: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan báo cáo và thu thập, cung cấp các văn bản, tài liệu, số liệu có liên quan về các nội dung:

- Chương trình, kế hoạch và kết quả thực hiện việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành nhằm hoàn thiện thể chế quản lý kinh tế - xã hội để phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng trên địa bàn thành phố;

- Kế hoạch và kết quả thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN.



h) Sở Giáo dục và Đào tạo: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan báo cáo và thu thập, cung cấp các văn bản, tài liệu, số liệu có liên quan đến việc công khai, minh bạch trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; Kế hoạch và kết quả thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 12 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đưa nội dung PCTN vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục tại địa phương;

i) Sở Y tế: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan báo cáo và thu thập, cung cấp các văn bản, tài liệu, số liệu có liên quan đến việc công khai về lĩnh vực y tế;

k) Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư: Phối hợp với các cơ quan có liên quan báo cáo và thu thập, cung cấp các văn bản, tài liệu, số liệu liên quan đến việc thực hiện công khai, minh bạch trên lĩnh vực tài chính và ngân sách nhà nước; việc xây dựng, thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn; đầu tư, mua sắm công;

l) Sở Tài nguyên và Môi trường: Báo cáo và thu thập, cung cấp các văn bản, tài liệu, số liệu về công khai, minh bạch trên lĩnh vực đất đai, tài nguyên của Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện;

m) Sở Nội vụ: Chủ trì phối hợp các cơ quan có liên quan báo cáo và thu thập, cung cấp các văn bản, tài liệu, số liệu liên quan việc thực hiện công khai, minh bạch trên lĩnh vực công tác cán bộ, cải cách hành chính, xây dựng và thực hiện kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức; kết quả xử lý kỷ luật người đứng đầu cơ quan, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng;

n) Thanh tra thành phố: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thu thập các văn bản, tài liệu, thông tin có liên quan đến việc ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo liên quan đến công tác PCTN; ban hành và triển khai thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về PCTN; công tác thông tin báo cáo về PCTN; minh bạch tài sản, thu nhập; kết quả phát hiện và xử lý các hành vi tham nhũng qua công tác thanh tra, giải quyết tố cáo tham nhũng.

**3. Giao Thanh tra thành phố hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc sở, ban ngành thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện khẩn trương, nghiêm túc, đúng mục đích, yêu cầu, nội dung và thời gian của Kế hoạch này.**

**4. Kết quả thực hiện công tác báo cáo đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng năm 2018 của sở, ban ngành thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện là cơ sở để xem xét, đánh giá trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác chấp hành pháp luật về PCTN năm 2018 và xét thi đua khen thưởng cho đơn vị trong năm 2019.**

Trên đây là Kế hoạch đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân thành phố (qua Thanh tra thành phố) để được hướng dẫn, giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Thanh tra Chính phủ;
- TT. TU; TT. HĐND TP;
- UBMT TQVN TP;
- CT, PCT UBND TP;
- Tòa án nhân dân TP;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP
- Cục Thi hành án dân sự TP;
- Sở, ban ngành TP;
- UBND quận, huyện;
- Công TTĐT TP;
- VP UBND TP (2,3,4,5,6,7,8);
- Lưu: VT, H.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



Ký bởi: Ủy ban Nhân dân  
thành phố Cần Thơ  
Email:  
vpubndtpct@cantho.gov.vn  
Cơ quan: Thành phố Cần Thơ  
Thời gian ký: 01.03.2019  
10:17:51 +07:00

**Võ Thành Thống**

**Phụ lục 1: NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ**

<b>NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ</b>	<b>Thang điểm</b>
	<b>100</b>
<b>A. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC PCTN</b>	<b>20</b>
<b>B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA</b>	<b>30</b>
<b>C. KẾT QUẢ PHÁT HIỆN CÁC HÀNH VI THAM NHŨNG</b>	<b>25</b>
<b>D. KẾT QUẢ XỬ LÝ CÁC HÀNH VI THAM NHŨNG</b>	<b>25</b>
<b>A. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC PCTN</b>	<b>20</b>
1. Lãnh đạo, chỉ đạo về công tác PCTN	5.0
2. Nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện thể chế để phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng	2.0
3. Giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN	3.0
4. Công tác thanh tra, kiểm tra	7.0
5. Về sự tham gia của xã hội trong công tác PCTN	2.0
6. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo về PCTN	1.0
<b>B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA</b>	<b>30</b>
1. Việc thực hiện công khai, minh bạch	9.0
2. Cải cách hành chính	3.0
3. Việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức	2.0
4. Minh bạch Tài sản, thu nhập	5.0
5. Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn	2.0
6. Xử lý kỷ luật người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị	4.0
7. Kết quả phát hiện, xử lý các sai phạm trong việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa	5.0



<b>C. PHÁT HIỆN CÁC HÀNH VI THAM NHŨNG</b>	<b>25</b>
<b>1. Qua công tác tự kiểm tra nội bộ</b>	<b>6.0</b>
<b>2. Qua công tác thanh tra</b>	<b>5.0</b>
<b>3. Qua công tác giải quyết tố cáo tham nhũng</b>	<b>5.0</b>
<b>4. Qua hoạt động giám sát</b>	<b>5.0</b>
<b>5. Qua công tác điều tra, truy tố, xét xử các hành vi tham nhũng</b>	<b>4.0</b>
<b>D. XỬ LÝ CÁC HÀNH VI THAM NHŨNG</b>	<b>25</b>
<b>1. Xử lý hành chính</b>	<b>5.0</b>
<b>2. Xử lý hình sự</b>	<b>10</b>
<b>3. Thu hồi tài sản tham nhũng</b>	<b>10</b>

A. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC PCTN		20						
1. Lãnh đạo, chỉ đạo về công tác PCTN (THANH TRA THÀNH PHỐ)		5.0						
1.1 Văn bản chỉ đạo về công tác PCTN		2.0						
Việc ban hành các văn bản chỉ đạo công tác PCTN phải đáp ứng các yêu cầu về đầy đủ nội dung và kịp thời.								
1.1.1 Yêu cầu nội dung:		1.0						
1.1.1.1 Triển khai công tác PCTN do Trung ương chỉ đạo.		0.9						
Chỉ số này đánh giá việc chỉ đạo của UBND cấp tỉnh theo yêu cầu triển khai nhiệm vụ do Trung ương chỉ đạo.								
Cách tính điểm như sau:								
<table><tr><th>Mức độ hoàn thành</th><th>Điểm số</th></tr><tr><td>Có chỉ đạo đầy đủ các nội dung theo yêu cầu</td><td>0.9</td></tr><tr><td>Thiếu mỗi nội dung không có ý kiến chỉ đạo</td><td>- 0.1</td></tr></table>		Mức độ hoàn thành	Điểm số	Có chỉ đạo đầy đủ các nội dung theo yêu cầu	0.9	Thiếu mỗi nội dung không có ý kiến chỉ đạo	- 0.1	
Mức độ hoàn thành	Điểm số							
Có chỉ đạo đầy đủ các nội dung theo yêu cầu	0.9							
Thiếu mỗi nội dung không có ý kiến chỉ đạo	- 0.1							
1.1.1.2 Triển khai công tác PCTN từ thực tế địa phương.		0.1						
Chỉ số này đánh giá việc chỉ đạo của UBND cấp tỉnh theo các nhiệm vụ PCTN đặt ra từ thực tế điều hành của địa phương.								
Cách tính điểm như sau:								
<table><tr><th>Mức độ hoàn thành</th><th>Điểm số</th></tr><tr><td>Có văn bản chỉ đạo</td><td>0.1</td></tr><tr><td>Không có văn bản chỉ đạo</td><td>0</td></tr></table>		Mức độ hoàn thành	Điểm số	Có văn bản chỉ đạo	0.1	Không có văn bản chỉ đạo	0	
Mức độ hoàn thành	Điểm số							
Có văn bản chỉ đạo	0.1							
Không có văn bản chỉ đạo	0							
1.1.2 Yêu cầu về tính kịp thời:		1.0						
Chỉ số này đánh giá sự kịp thời trong chỉ đạo, lãnh đạo về công tác PCTN của địa phương.								
Việc chỉ đạo, lãnh đạo được coi là kịp thời nếu trong vòng 01 tháng tính từ thời điểm Trung ương ra văn bản chỉ đạo, UBND cấp tỉnh ban hành văn bản triển khai thực hiện.								
Cách tính điểm như sau:								
<table><tr><th>Mức độ hoàn thành</th><th>Điểm số</th></tr><tr><td>Tất cả các văn bản được ban hành kịp thời</td><td>1.0</td></tr><tr><td>Mỗi văn bản ban hành muộn từ 1 tháng trở lên</td><td>- .1</td></tr></table>		Mức độ hoàn thành	Điểm số	Tất cả các văn bản được ban hành kịp thời	1.0	Mỗi văn bản ban hành muộn từ 1 tháng trở lên	- .1	
Mức độ hoàn thành	Điểm số							
Tất cả các văn bản được ban hành kịp thời	1.0							
Mỗi văn bản ban hành muộn từ 1 tháng trở lên	- .1							



## 1.2 Chương trình, kế hoạch PCTN

3.0

### 1.2.1 Về hình thức văn bản:

1.0

Chỉ số này đánh giá, khuyến khích địa phương có Văn bản thống nhất về chương trình, kế hoạch PCTN do UBND cấp tỉnh ban hành.

Cách tính điểm như sau:

Mức độ hoàn thành	Điểm số
Có văn bản do UBND cấp tỉnh ban hành	1.0
Không có văn bản do UBND cấp tỉnh ban hành	0

2.0

### 1.2.2 Về nội dung:

Nội dung chương trình, kế hoạch PCTN do UBND cấp tỉnh ban hành hoặc tổng hợp từ các kế hoạch thành phần do cơ quan của UBND tỉnh ban hành áp dụng cho toàn tỉnh.

#### 1.2.2.1 Xác định mục tiêu.

0.5

Chỉ số này đánh giá việc xác định rõ các mục tiêu cần đạt được về: (1) Hoàn thiện thể chế quản lý; (2) Giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật; (3) Thực hiện các biện pháp phòng ngừa; (4) Thực hiện các biện pháp phát hiện và (5) Xử lý tham nhũng trong năm của địa phương.

Cách tính điểm như sau:

Mức độ hoàn thành	Điểm số
Xác định đầy đủ 5 mục tiêu	0.5
Thiếu mỗi mục tiêu	- 0.1

#### 1.2.2.2 Xác định những nhiệm vụ hoặc hoạt động cụ thể.

0.5

Chỉ số này đánh giá việc xác định rõ nhiệm vụ hoặc hoạt động cụ thể phù hợp với đặc điểm, tình hình tại địa phương theo các mục tiêu đã xác định.

Cách tính điểm như sau:

Mức độ hoàn thành	Điểm số
Xác định đầy đủ các nhiệm vụ hoặc hoạt động	0.5
Thiếu mỗi nhóm nhiệm vụ hoặc hoạt động cho mỗi mục tiêu	- 0.1

#### 1.2.2.3 Phân công, phân phối nguồn lực thực hiện.

1.0

Chỉ số này đánh giá việc phân công các đơn vị chủ trì, phối hợp gắn với phân phối nguồn lực, tài chính thực hiện nhiệm vụ, hoạt động đề ra.

*Yêu cầu sự phân công rõ ràng về trách nhiệm thực hiện và có biện pháp xử lý trách nhiệm khi không thực hiện.*

Cách tính điểm như sau:

Mức độ hoàn thành	Điểm số
Phân công rõ ràng, cụ thể, đầy đủ cơ quan, đơn vị thực hiện nội dung công việc đáp ứng đầy đủ yêu cầu.	1
Không xác định đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp cho mỗi hoạt động.	- 0.1

## 2. Nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện thể chế để phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng (SỞ TƯ PHÁP)

2.0

### 2.1 Ban hành kế hoạch:

0.9

#### Về hình thức:

0.1

Chỉ số này khuyến khích địa phương có văn bản thống nhất về chương trình, kế hoạch nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện thể chế do UBND cấp tỉnh ban hành.

Cách tính điểm như sau:

Mức độ hoàn thành	Điểm số
Có văn bản do UBND cấp tỉnh ban hành	0.1
Không có văn bản do UBND cấp tỉnh ban hành	0

**Về nội dung:** Nội dung kế hoạch bao gồm:

#### 2.1.1 Xác định mục tiêu

0.1

Chỉ số đánh giá việc xác định rõ các mục tiêu cần đạt được trong nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện thể chế để phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng ở địa phương.

Cách tính điểm như sau:

Mức độ hoàn thành	Điểm số
Xác định rõ, đầy đủ các mục tiêu và hoạt động cụ thể	0.1
Không xác định rõ mục tiêu, hoạt động cụ thể.	0

#### 2.1.2 Xác định những nhiệm vụ, hoạt động cụ thể.

0.1

Chỉ số này đánh giá việc xác định nhiệm vụ, hoạt động cụ thể phù hợp với đặc điểm,



tình hình tại địa phương theo mục tiêu đã xác định.

Cách tính điểm như sau:

Mức độ hoàn thành	Điểm số
Xác định rõ, đầy đủ nhiệm vụ hoặc hoạt động cụ thể	0.1
Không xác định rõ các nhiệm vụ hoặc hoạt động cụ thể	0

### 2.1.3 Phân công, phân phối nguồn lực thực hiện.

Chỉ số này đánh giá việc phân công các đơn vị chủ trì, phối hợp gắn với phân phối nguồn lực, tài chính thực hiện nhiệm vụ hoạt động đề ra.

*Yêu cầu sự phân công rõ ràng về trách nhiệm thực hiện và có biện pháp xử lý trách nhiệm khi không thực hiện.*

Cách tính điểm như sau:

Mức độ hoàn thành	Điểm số
Phân công đơn vị thực hiện, kinh phí đầy đủ đối với từng hoạt động và có xác định đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp	0.6
Không xác định đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp cho mỗi nội dung.	- 0.1

### 2.2 Kết quả thực hiện xây dựng thể chế:

Chỉ số này đánh giá việc thực hiện kế hoạch nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện thể chế để phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng.

Cách tính điểm như sau:

$$\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số hoạt động hoàn thành} \times 0.6}{\text{Tổng số hoạt động theo kế hoạch}}$$

### 2.3 Có kiến nghị hoàn thiện thể chế:

Chỉ số này đánh giá việc chủ động phát hiện những sơ hở bất cập về chính sách quản lý và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi để loại bỏ điều kiện phát sinh tham nhũng. Kiến nghị phải được thể hiện bằng văn bản hoặc ở các báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng kết. Các kiến nghị này phải từ thực tiễn của địa phương.

Cách tính điểm như sau:

Kết quả	Điểm số
---------	---------

Trên 8 kiến nghị	0.5
Từ 6 đến 8 kiến nghị	0.4
Từ 4 đến 5 kiến nghị	0.3
Từ 1 đến 3 kiến nghị	0.2
Không có kiến nghị	0

### 3. Giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN (SỞ TƯ PHÁP)

3.0

#### 3.1 Kế hoạch, chương trình giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN:

0.9

##### 3.1.1 Về hình thức:

0.1

Chỉ số này khuyến khích địa phương có văn bản thống nhất về chương trình, kế hoạch giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN do UBND cấp tỉnh ban hành.

Cách tính điểm như sau:

Mức độ hoàn thành	Điểm số
Có văn bản do UBND cấp tỉnh ban hành	0.1
Không có văn bản do UBND cấp tỉnh ban hành	0

0.8

##### 3.1.2 Về nội dung:

0.2

##### 3.1.2.1 Xác định mục tiêu cụ thể.

Chỉ số này đánh giá việc xác định rõ các mục tiêu cần đạt được của các nhóm công tác: (1) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật nói chung và pháp luật PCTN nói riêng theo yêu cầu của địa phương và Chương trình phổ biến pháp luật theo Quyết định 705/QĐ-TTg ngày 25/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ; (2) Giáo dục phòng, chống tham nhũng đối với các đối tượng và (3) Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Cách tính điểm như sau:

Mức độ hoàn thành	Điểm số
Xác định rõ, đầy đủ các mục tiêu cụ thể cho từng nhóm đối tượng	0.2
Không xác định rõ, đầy đủ mục tiêu	0

0.3

##### 3.1.2.2 Xác định những nhiệm vụ và hoạt động cụ thể.



Chỉ số này đánh giá việc xác định các hoạt động cụ thể để đạt được các mục tiêu.

Cách tính điểm như sau:

Mức độ hoàn thành	Điểm số
Xác định rõ, đầy đủ các nhóm nhiệm vụ hoặc hoạt động cụ thể cho mỗi mục tiêu	0.3
Thiếu mỗi nhiệm vụ hoặc hoạt động	- 0.1

0.3

### 3.1.2.3 Phân công, phân phối nguồn lực thực hiện.

Chỉ số này đánh giá việc phân công các đơn vị chủ trì, phối hợp gắn với phân phối nguồn lực, tài chính thực hiện nhiệm vụ hoạt động đề ra.

*Yêu cầu sự phân công rõ ràng về trách nhiệm thực hiện và có biện pháp xử lý trách nhiệm khi không thực hiện.*

Cách tính điểm như sau:

Mức độ hoàn thành	Điểm số
Phân công đầy đủ nội dung công việc và có xác định đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp	0.3
Không phân công các công việc cụ thể không xác định đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp	0

## 3.2 Thực hiện kế hoạch, chương trình giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN

1.6

### 3.2.1 Thực hiện các nội dung của kế hoạch thực hiện Chỉ thị 10/CT-TTg (SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CUNG CẤP TÀI LIỆU CHO SỞ TƯ PHÁP TỔNG HỢP)

0.6

Chỉ số này đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động về việc đưa nội dung PCTN vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục tại địa phương theo Chỉ thị 10/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Cách tính điểm như sau:

$$\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Các hoạt động đã thực hiện} \times 0.6}{\text{Tổng số hoạt động theo kế hoạch}}$$

0.5

### 3.2.2 Thực hiện các nội dung của kế hoạch thực hiện chỉ thị 05/CT-TW

Chỉ số này đánh giá kết quả thực hiện đẩy mạnh việc tiếp tục học tập và làm theo tư

<p>tướng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo Chỉ thị số 05/CT-TW của Bộ Chính trị.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Các hoạt động đã thực hiện} \times 0.5}{\text{Tổng số hoạt động theo kế hoạch}}$ <p><b>3.2.3 Thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến pháp luật của địa phương</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá kết quả hoàn thành kế hoạch tuyên truyền phổ biến pháp luật của địa phương và Chương trình phổ biến pháp luật theo Quyết định 705/QĐ-TTg ngày 25/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Các hoạt động đã hoàn thành} \times 0.5}{\text{Tổng số hoạt động theo kế hoạch}}$ <p><i>Hoạt động đã hoàn thành là hoạt động trong kế hoạch đã được kết thúc đến sản phẩm cuối cùng.</i></p>	0.5						
<p><b>3.3 Sáng tạo trong công tác giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN</b></p> <p>Chỉ số này nhằm khuyến khích địa phương sáng tạo để nâng cao hiệu quả công tác giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> <table border="1" data-bbox="172 1296 1278 1517"> <thead> <tr> <th>Mức độ hoàn thành</th><th>Điểm số</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Có sáng tạo</td><td>0.5</td></tr> <tr> <td>Không có sự sáng tạo</td><td>0</td></tr> </tbody> </table> <p><i>Sáng tạo là cách làm mới, hình thức mới trong công tác giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN phù hợp với địa phương mình.</i></p>	Mức độ hoàn thành	Điểm số	Có sáng tạo	0.5	Không có sự sáng tạo	0	0.5
Mức độ hoàn thành	Điểm số						
Có sáng tạo	0.5						
Không có sự sáng tạo	0						
<p><b>4. Công tác thanh tra, kiểm tra (THANH TRA THÀNH PHỐ)</b></p>	7.0						
<p><b>4.1 Kế hoạch thanh tra, kiểm tra</b></p> <p>Kế hoạch thanh tra, kiểm tra tại địa phương do UBND cấp tỉnh thống nhất ban hành thành kế hoạch chung hoặc tổng hợp từ kế hoạch thanh tra, kiểm tra của UBND cấp huyện và các cơ quan trực thuộc UBND cấp tỉnh.</p> <p><b>4.1.1 Về hình thức:</b></p>	<p>1.5</p> <p>0.5</p>						



Chỉ số này khuyến khích UBND cấp tỉnh ban hành văn bản về kế hoạch thanh tra, kiểm tra.

Cách tính điểm như sau:

Mức độ hoàn thành	Điểm số
Có văn bản do UBND cấp tỉnh ban hành	0.5
Không có văn bản do UBND cấp tỉnh ban hành	0

#### 4.1.2 Về nội dung:

##### 4.1.2.1 Xác định mục tiêu.

Chỉ số này đánh giá việc xác định rõ các mục tiêu cần đạt được của các cơ quan trực thuộc UBND cấp tỉnh và UBND cấp huyện trong công tác thanh tra, kiểm tra.

Cách tính điểm như sau:

Mức độ hoàn thành	Điểm số
Xác định rõ các mục tiêu cụ thể của công tác thanh tra, kiểm tra ở địa phương	0.3
Không xác định rõ các mục tiêu cụ thể của công tác thanh tra, kiểm tra ở địa phương	0

##### 4.1.2.2 Xác định những nhiệm vụ và hoạt động cụ thể.

Chỉ số này đánh giá việc xác định các hoạt động cụ thể để đạt được các mục tiêu.

Cách tính điểm như sau:

Mức độ hoàn thành	Điểm số
Xác định rõ, đầy đủ các nhóm nhiệm vụ hoặc hoạt động cụ thể cho mỗi mục tiêu	0.4
Thiếu mỗi nhiệm vụ hoặc hoạt động	- 0.1

##### 4.1.2.3 Phân công, phân phối nguồn lực thực hiện.

Chỉ số này đánh giá việc phân công các đơn vị chủ trì, phối hợp gắn với phân phối nguồn lực, tài chính thực hiện nhiệm vụ hoạt động đề ra.

*Yêu cầu sự phân công rõ ràng về trách nhiệm thực hiện và có biện pháp xử lý trách nhiệm khi không thực hiện.*

Cách tính điểm như sau:

Mức độ hoàn thành	Điểm số
Phân công đầy đủ nội dung công việc và có xác định đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp	0.3

	Không phân công các công việc cụ thể không xác định đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp	0	
<p><b>4.2 Thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra</b></p> <p><b>4.2.1 Việc thực hiện thanh tra trách nhiệm:</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá kết quả thực hiện thanh tra trách nhiệm theo kế hoạch. Khung điểm của Chỉ số này từ 0 đến 2.5 điểm; cách tính điểm như sau:</p> $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số cuộc thanh tra trách nhiệm đã hoàn thành} \times 2.5}{\text{Tổng số cuộc thanh tra trách nhiệm triển khai theo kế hoạch}}$ <p><i>Cuộc thanh tra trách nhiệm đã hoàn thành là cuộc thanh tra trong kế hoạch năm đã có kết luận.</i></p> <p><b>4.2.2 Việc triển khai kế hoạch thanh tra kinh tế - xã hội:</b></p> <p><b>4.2.2.1 Việc triển khai kế hoạch thanh tra KTXH.</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá việc triển khai các cuộc thanh tra KTXH theo kế hoạch đã được ban hành.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số cuộc thanh tra KTXH kết thúc} \times 0.5}{\text{Tổng số cuộc thanh tra KTXH theo kế hoạch và đột xuất trong năm}}$ <p><i>Cuộc thanh tra KTXH kết thúc là cuộc thanh tra đã có báo cáo kết quả thanh tra.</i></p> <p><b>4.2.2.2 Kết quả thực hiện kế hoạch các cuộc thanh tra KTXH.</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá kết quả thực hiện các cuộc thanh tra KTXH.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số cuộc thanh tra KTXH hoàn thành} \times 1.5}{\text{Tổng số cuộc thanh tra KTXH đã triển khai theo kế hoạch và đột xuất trong năm}}$ <p><i>Cuộc thanh tra KTXH hoàn thành là cuộc thanh tra đã có kết luận.</i></p> <p><b>4.2.3 Việc triển khai kế hoạch kiểm tra</b></p> <p>Chỉ số này nhằm đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch kiểm tra đã được ban hành.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số cuộc kiểm tra hoàn thành} \times 1.0}{\text{Tổng số cuộc kiểm tra theo kế hoạch}}$			<p><b>5.5</b></p> <p>2.5</p> <p>2.0</p> <p>0.5</p> <p>1.5</p> <p>1.0</p>



*Cuộc kiểm tra hoàn thành là cuộc kiểm tra trong năm đã có kết luận.*

## 5. Về sự tham gia của xã hội trong công tác PCTN (VP UBND THÀNH PHỐ)

2.0

### 5.1 Xây dựng nội dung phối hợp về công tác PCTN

0.6

#### 5.1.1 Có quy chế phối hợp công tác giữa UBND và cơ quan thuộc UBND cấp tỉnh với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh:

0.4

Chỉ số này khuyến khích UBND cấp tỉnh ban hành quy chế phối hợp công tác với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức thành viên về PCTN.

Cách tính điểm như sau:

Mức độ hoàn thành	Điểm số
Có quy chế phối hợp	0.4
Không có quy chế phối hợp	0

#### 5.1.2 Có chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc phối hợp công tác với UBMTTQ:

0.2

Chỉ số này đánh giá chỉ đạo của UBND cấp tỉnh đối với các đơn vị trực thuộc trong phối hợp công tác với UBMTTQ và các tổ chức thành viên về PCTN.

Cách tính điểm như sau:

Mức độ hoàn thành	Điểm số
Có văn bản chỉ đạo	0.2
Không có văn bản chỉ đạo	0

### 5.2 Tiếp thu các kiến nghị sau giám sát

0.4

Chỉ số này đánh giá sự tiếp thu của UBND cấp tỉnh đối với các kiến nghị sau giám sát của UBMTTQ và các tổ chức thành viên các cấp trong các hoạt động giám sát.

Cách tính điểm như sau:

$$\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số kiến nghị sau giám sát được tiếp thu} \times 0.4}{\text{Tổng số kiến nghị sau giám sát}}$$

*Kiến nghị sau giám sát được tiếp thu là kiến nghị trong báo cáo giám sát đã được UBND cấp tỉnh thực hiện và có văn bản trả lời.*

### 5.3 Tổ chức tiếp công dân

1.0

<p><b>5.3.1 Việc tiếp công dân của lãnh đạo UBND cấp tỉnh:</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá trách nhiệm thực hiện quy định về tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> <table border="1" data-bbox="148 371 1233 599"> <thead> <tr> <th>Mức độ hoàn thành</th><th>Điểm số</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Chủ tịch UBND cấp tỉnh tiếp đủ 12 tháng trong năm</td><td>0.7</td></tr> <tr> <td>Thiếu mỗi tháng không tiếp công dân</td><td>- 0.1</td></tr> </tbody> </table> <p><b>5.3.2 Việc tiếp nhận kiến nghị, phản ánh của công dân bằng các hình thức khác:</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá việc UBND cấp tỉnh tổ chức tiếp nhận kiến nghị, phản ánh của công dân bằng các hình thức khác như: (1) thiết lập số điện thoại đường dây nóng; (2) hộp thư điện tử - email và (3) giao tiếp qua Cổng thông tin điện tử.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> <table border="1" data-bbox="148 898 1233 1123"> <thead> <tr> <th>Mức độ hoàn thành</th><th>Điểm số</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Có đầy đủ 03 hình thức nêu trên</td><td>0.3</td></tr> <tr> <td>Thiếu mỗi hình thức</td><td>- 0.1</td></tr> </tbody> </table>	Mức độ hoàn thành	Điểm số	Chủ tịch UBND cấp tỉnh tiếp đủ 12 tháng trong năm	0.7	Thiếu mỗi tháng không tiếp công dân	- 0.1	Mức độ hoàn thành	Điểm số	Có đầy đủ 03 hình thức nêu trên	0.3	Thiếu mỗi hình thức	- 0.1	<p>0.7</p> <p>0.3</p>
Mức độ hoàn thành	Điểm số												
Chủ tịch UBND cấp tỉnh tiếp đủ 12 tháng trong năm	0.7												
Thiếu mỗi tháng không tiếp công dân	- 0.1												
Mức độ hoàn thành	Điểm số												
Có đầy đủ 03 hình thức nêu trên	0.3												
Thiếu mỗi hình thức	- 0.1												
<p><b>6. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo về PCTN (THANH TRA THÀNH PHỐ)</b></p>	<p><b>1.0</b></p>												



<p><b>6.1 Thực hiện đầy đủ kịp thời chế độ thông tin, báo cáo</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá việc chấp hành chế độ thông tin, báo cáo về PCTN của UBND cấp tỉnh lên Trung ương.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số báo cáo đã thực hiện} \times 0.5}{\text{Tổng số báo cáo phải thực hiện}}$ <p><i>Báo cáo đã thực hiện là báo cáo đảm bảo đúng yêu cầu về nội dung, hình thức và thời hạn nộp báo cáo.</i></p>	0.5
<p><b>6.2 Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo ở địa phương</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về PCTN của các đơn vị trực thuộc UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số đơn vị hoàn thành báo cáo} \times 0.5}{\text{Tổng số đơn vị phải báo cáo}}$ <p><i>Đơn vị hoàn thành báo cáo là đơn vị thực hiện đầy đủ, kịp thời yêu cầu báo cáo trong năm.</i></p>	0.5

B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA	30
1. Việc thực hiện công khai, minh bạch	9.0
<p><b>1.1 Thực hiện công khai chính sách, pháp luật trên cổng thông tin điện tử (VP ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ)</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá việc thực hiện công khai bằng hình thức đăng tải trên cổng thông tin điện tử các văn bản quy định thuộc 19 lĩnh vực phải công khai theo quy định tại điều Mục 1 Chương II Luật PCTN.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số văn bản đã đăng tải lên cổng thông tin điện tử} \times 1.0}{\text{Tổng số văn bản đã ban hành}}$	1.0

<b>1.2 Công khai, minh bạch trong một số lĩnh vực được lựa chọn trong năm 2017</b>	<b>8.0</b>
<p><b>1.2.1 Công tác cán bộ: (SỞ NỘI VỤ)</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá việc công khai, minh bạch công tác tổ chức, cán bộ của UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh bao gồm các nội dung sau: (1) Công khai phân bổ Chỉ tiêu biên chế (2) Công khai thông tin tuyển dụng hàng năm của cơ quan, đơn vị; (3) Công khai quy hoạch cán bộ (4) Công khai thông tin luân chuyển, điều động (5) Công khai việc bầu, bổ nhiệm CB,CC,VC và (6) Kết quả kiểm tra, thanh tra, rà soát năm 2017 về việc bổ nhiệm cán bộ theo chỉ đạo của Trung ương.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số đơn vị công khai đầy đủ} \times 1.5}{\text{Tổng số đơn vị phải công khai}}$ <p><i>Đơn vị công khai đầy đủ là đơn vị công khai đủ 6 nội dung nêu trên.</i></p>	1.5
<p><b>1.2.2 Về lĩnh vực tài chính và ngân sách nhà nước: (SỞ TÀI CHÍNH)</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá việc công khai, minh bạch về tài chính, ngân sách của UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh, bao gồm các nội dung sau: (1) Số liệu dự toán ngân sách năm 2017, quyết toán ngân sách 2016 (kể cả ngân sách bổ sung) được công khai theo quy định; (2) Số liệu dự toán kinh phí năm 2017, quyết toán năm 2016 của các đơn vị dự toán và (3) Kết quả thanh tra, kiểm toán và kết quả thực hiện các kiến nghị của thanh tra, kiểm toán đối với đơn vị (nếu có).</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số đơn vị công khai đầy đủ} \times 1.5}{\text{Tổng số đơn vị phải công khai}}$ <p><i>Đơn vị công khai đầy đủ là đơn vị công khai đủ 3 nội dung nêu trên.</i></p>	1.5
<p><b>1.2.3 Về lĩnh vực đất đai, tài nguyên: (SỞ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG)</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá việc thực hiện công khai, minh bạch về lĩnh vực quản lý đất đai, tài nguyên của UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện bao gồm các nội dung sau: (1) Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, khoáng sản trên địa bàn; (2) Kế hoạch, kết quả giao đất, cho thuê đất; (3) Kế hoạch, kết quả thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; (4) Kế hoạch, kết quả đấu giá quyền sử dụng đất, quyền khai thác tài nguyên khoáng sản và (5) Các khoản thu ngân sách từ đất đai, tài nguyên, khoáng sản.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số đơn vị công khai đầy đủ theo thẩm quyền} \times 1.5}{\text{Tổng số đơn vị phải công khai}}$	1.5



<p style="text-align: center;"><b>Tổng số đơn vị phải công khai</b></p> <p><i>Đơn vị công khai đầy đủ là đơn vị công khai đủ nội dung nêu trên theo thẩm quyền.</i></p>	1.5
<b>1.2.4 Về lĩnh vực đầu tư, mua sắm công (SỞ TÀI CHÍNH, SỞ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ)</b>	
<p>Chỉ số này đánh giá việc công khai, minh bạch về lĩnh vực đầu tư, mua sắm công do UBND cấp huyện và các cơ quan trực thuộc UBND cấp tỉnh là chủ đầu tư, bao gồm: (1) Kế hoạch, chương trình đầu tư, mua sắm công; (2) Danh mục dự án đầu tư, mua sắm công; (3) Việc thực hiện đầu tư, mua sắm công và (4) Báo cáo kết quả thực hiện, kết quả đầu tư.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số đơn vị công khai đầy đủ} \times 1.5}{\text{Tổng số đơn vị phải công khai}}$ <p><i>Đơn vị công khai đầy đủ là đơn vị công khai đủ 4 nội dung nêu trên.</i></p>	
<b>1.2.5 Về lĩnh vực giáo dục (SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO)</b>	
<p>Chỉ số này đánh giá việc công khai, minh bạch trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo của các cơ sở giáo dục, đào tạo thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo, bao gồm: (1) Việc công khai điều kiện tuyển sinh, điều kiện cấp văn bằng, chứng chỉ; (2) Công khai các khoản thu, mức thu, cơ sở vật chất, tài chính; (3) Công khai thực hiện cam kết chất lượng đào tạo.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số đơn vị công khai đầy đủ} \times 1.0}{\text{Tổng số đơn vị phải công khai}}$ <p><i>Đơn vị công khai đầy đủ là đơn vị công khai đủ 3 nội dung nêu trên.</i></p>	
<b>1.2.6 Về lĩnh vực y tế (SỞ Y YẾ)</b>	
<p>Chỉ số này đánh giá việc công khai, minh bạch về lĩnh vực y tế theo thẩm quyền của UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện về: (1) Trình tự, thủ tục cấp, thu hồi chứng chỉ hành nghề y, dược tư nhân, giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề y, dược; (2) Danh mục giấy phép hành nghề y, dược tư nhân trên phạm vi địa phương; (3) Công khai tài chính theo quy định của pháp luật.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số đơn vị công khai đầy đủ} \times 1.0}{\text{Tổng số đơn vị phải công khai}}$	

Đơn vị công khai đầy đủ là đơn vị phải công khai đủ 3 nội dung nêu trên	
<b>2. Cải cách hành chính (SỞ NỘI VỤ)</b>	<b>3.0</b>
<p>Chỉ số này đánh giá kết quả cải cách hành chính của địa phương dựa trên Điểm số cải cách hành chính do Bộ Nội vụ công bố (PAR index 2016).</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{PAR index 2016} \times 3.0}{100}$	
<b>3. Việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức (SỞ NỘI VỤ)</b>	<b>2.0</b>
<p><b>3.1 Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác trên địa bàn</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá việc lập kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác trong năm 2017 của UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số đơn vị lập kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác} \times 0.5}{\text{Tổng số đơn vị phải chuyển đổi vị trí công tác}}$	<b>0.5</b>
<p><b>3.2 Kết quả của việc chuyển đổi</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác theo kế hoạch của UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số CC,VC đã chuyển đổi vị trí công tác trong năm} \times 1.5}{\text{Tổng số CC,VC phải chuyển đổi vị trí công tác theo kế hoạch}}$	<b>1.5</b>
<b>4. Minh bạch Tài sản, thu nhập (TSTN) (THANH TRA THÀNH PHỐ)</b>	<b>5.0</b>





<p><b>5. Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn (SỞ TÀI CHÍNH)</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá việc sửa đổi, hoàn thiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn (CD, ĐM, TC) của UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số đơn vị có sửa đổi, hoàn thiện các CD, ĐM, TC} \times 2.0}{\text{Tổng số đơn vị trực thuộc UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện.}}$	2.0
<p><b>6. Xử lý kỷ luật người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị (SỞ NỘI VỤ)</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá việc xử lý kỷ luật người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị (CQ,TC,ĐV) khi để xảy ra tham nhũng.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu CQ,TC,ĐV đã bị kỷ luật} \times 4.0}{\text{Số người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu CQ,TC,ĐV để xảy ra tham nhũng}}$	4.0
<p><b>7. Kết quả phát hiện, xử lý các sai phạm trong việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa (BPPN) (THANH TRA THÀNH PHỐ TỔNG HỢP)</b></p>	5.0
<p><b>7.1 Việc phát hiện vi phạm</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá việc tự phát hiện vi phạm các quy định về phòng ngừa tham nhũng của UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số cơ quan, đơn vị tự phát hiện vi phạm trong thực hiện các quy định về BPPN} \times 2.5}{\text{Tổng số UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh}}$	2.5
<p><b>7.2 Việc xử lý vi phạm</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá việc xử lý vi phạm trong việc thực hiện các quy định về BPPN của UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số người đứng đầu bị xử lý vi phạm} \times 1.5}{\text{Số cơ quan bị phát hiện vi phạm}} + \frac{\text{Số CB, CC, VC bị xử lý vi phạm} \times 1.0}{\text{Số CB, CC, VC bị phát hiện vi phạm}}$	2.5



<b>C. PHÁT HIỆN CÁC HÀNH VI THAM NHŨNG</b>		<b>25</b>
<b>1. Qua công tác tự kiểm tra nội bộ (THANH TRA THÀNH PHỐ TỔNG HỢP)</b>		<b>6.0</b>
<b>1.1 Số vụ việc có liên quan đến tham nhũng được phát hiện</b> Chỉ số này đánh giá kết quả phát hiện các vụ việc có dấu hiệu tham nhũng thông qua kiểm tra nội bộ của UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh. Cách tính điểm như sau: $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số cuộc kiểm tra nội bộ phát hiện được dấu hiệu tham nhũng} \times 3.0}{\text{Tổng số cuộc kiểm tra nội bộ của UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh đã thực hiện}}$		<b>3.0</b>
<b>1.2 Tiền, tài sản được kiến nghị thu hồi</b> Chỉ số này đánh giá kết quả kiến nghị xử lý tiền, tài sản tham nhũng thông qua kiểm tra nội bộ của UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh. Cách tính điểm như sau: $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số tiền, tài sản tham nhũng được kiến nghị thu hồi qua kiểm tra nội bộ} \times 3.0}{\text{Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phải thu hồi được phát hiện qua kiểm tra nội bộ}}$		<b>3.0</b>
<b>2. Qua công tác thanh tra (THANH TRA THÀNH PHỐ TỔNG HỢP)</b>		<b>5.0</b>
<b>2.1 Số vụ việc có liên quan đến tham nhũng được phát hiện</b> Chỉ số này đánh giá kết quả phát hiện vụ việc có dấu hiệu tham nhũng thông qua các cuộc thanh tra của UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh. Cách tính điểm như sau: $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số cuộc thanh tra phát hiện được vụ việc có dấu hiệu tham nhũng} \times 2.0}{\text{Tổng số cuộc thanh tra đã thực hiện}}$		<b>2.0</b>
<b>2.2 Tiền, tài sản được kiến nghị thu hồi</b> Chỉ số này đánh giá kết quả kiến nghị xử lý tiền, tài sản tham nhũng thông qua thanh tra của UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh. Cách tính điểm như sau: $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số tiền, tài sản tham nhũng được kiến nghị thu hồi qua công tác thanh tra} \times 3.0}{\text{Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phải thu hồi được phát hiện qua công tác thanh tra}}$		<b>3.0</b>

<b>3. Qua công tác giải quyết tố cáo tham nhũng (THANH TRA THÀNH PHỐ TỔNG HỢP)</b>	<b>5.0</b>
<p><b>3.1 Số vụ việc có liên quan đến tham nhũng được phát hiện</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá kết quả phát hiện vụ việc có dấu hiệu tham nhũng thông qua giải quyết tố cáo của UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số cuộc giải quyết tố cáo phát hiện được vụ việc có dấu hiệu tham nhũng} \times 2.0}{\text{Tổng số cuộc giải quyết tố cáo đã thực hiện}}$	<b>2.0</b>
<p><b>3.2 Tiền, tài sản được kiến nghị thu hồi</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá kết quả kiến nghị xử lý tiền, tài sản tham nhũng thông qua giải quyết tố cáo của UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số tiền, tài sản tham nhũng được kiến nghị thu hồi qua giải quyết tố cáo} \times 3.0}{\text{Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phải thu hồi được phát hiện qua giải quyết tố cáo}}$	<b>3.0</b>
<b>4. Qua hoạt động giám sát (UBMT TỔ QUỐC VIỆT NAM THÀNH PHỐ CẦN THƠ)</b>	<b>5.0</b>
<p><b>4.1 Số vụ việc có liên quan đến tham nhũng được phát hiện</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá kết quả phát hiện vụ việc có dấu hiệu tham nhũng thông qua hoạt động giám sát của các cơ quan giám sát cấp huyện và cấp tỉnh.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số cuộc giám sát phát hiện được vụ việc có dấu hiệu tham nhũng} \times 2.0}{\text{Tổng số cuộc giám sát}}$	<b>2.0</b>
<p><b>4.2 Tiền, tài sản được kiến nghị thu hồi</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá kết quả xử lý tiền, tài sản tham nhũng được kiến nghị thu hồi thông qua hoạt động giám sát của các cơ quan giám sát cấp huyện và cấp tỉnh.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Tiền, tài sản tham nhũng kiến nghị thu hồi qua hoạt động giám sát} \times 3.0}{\text{Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phải thu hồi được phát hiện qua hoạt động giám sát}}$	<b>3.0</b>



<b>5. Qua công tác điều tra, truy tố, xét xử các hành vi tham nhũng (CÔNG AN THÀNH PHỐ, VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN THÀNH PHỐ, TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ)</b>	<b>4.0</b>
<b>5.1 Số vụ việc có liên quan đến tham nhũng được phát hiện</b> Chỉ số này đánh giá kết quả phát hiện vụ việc có dấu hiệu tham nhũng thông qua hoạt động điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan chức năng cấp huyện, cấp tỉnh. Cách tính điểm như sau: <div style="text-align: center;"> <math display="block">\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số cuộc điều tra, truy tố, xét xử phát hiện được vụ việc có dấu hiệu tham nhũng} \times 2.0}{\text{Tổng số cuộc điều tra, truy tố, xét xử có liên quan đến tham nhũng}}</math> </div>	<b>2.0</b>
<b>5.2 Tiền, tài sản được kiến nghị thu hồi</b> Chỉ số này đánh giá kết quả kiến nghị xử lý tiền, tài sản tham nhũng thông qua hoạt động điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan chức năng cấp huyện, cấp tỉnh. Cách tính điểm như sau: <div style="text-align: center;"> <math display="block">\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Tiền, tài sản tham nhũng được kiến nghị thu hồi qua điều tra, truy tố, xét xử} \times 2.0}{\text{Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phải thu hồi được phát hiện qua điều tra, truy tố, xét xử}}</math> </div>	<b>2.0</b>

<b>D. XỬ LÝ CÁC HÀNH VI THAM NHŨNG</b>	<b>25</b>
<b>1. Xử lý hành chính (SỞ NỘI VỤ)</b>	<b>5.0</b>
<b>1.1 Xử lý kỷ luật hành chính đối với tổ chức</b> Chỉ số này đánh giá kết quả xử lý kỷ luật hành chính đối với tổ chức đã xảy ra tham nhũng của UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh. Cách tính điểm như sau: <div style="text-align: center;"> <math display="block">\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số đơn vị bị kỷ luật hành chính} \times 2.5}{\text{Số đơn vị đã xảy ra hành vi tham nhũng}}</math> </div>	<b>2.5</b>
<b>1.2 Xử lý kỷ luật hành chính đối với cá nhân</b> Chỉ số này đánh giá kết quả xử lý kỷ luật cá nhân có hành vi tham nhũng của UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh. Cách tính điểm như sau:	<b>2.5</b>

$\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số người có hành vi tham nhũng bị xử lý kỷ luật} \times 2.5}{\text{Số người có hành vi tham nhũng đã phát hiện}}$		
<b>2. Xử lý hình sự</b>		<b>10</b>
<b>2.1 Kết quả điều tra tội phạm tham nhũng (CÔNG AN THÀNH PHỐ)</b>		<b>3.0</b>
<p>Chỉ số này đánh giá kết quả điều tra tội phạm tham nhũng của các cơ quan điều tra cấp huyện, cấp tỉnh.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số người có hành vi tham nhũng bị cơ quan điều tra đề nghị truy tố} \times 3.0}{\text{Số người có hành vi tham nhũng bị cơ quan điều tra khởi tố bị can}}$		
<b>2.2 Kết quả truy tố tội phạm tham nhũng (VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN THÀNH PHỐ)</b>		<b>3.0</b>
<p>Chỉ số này đánh giá kết quả truy tố tội phạm tham nhũng của các viện kiểm sát cấp huyện, cấp tỉnh.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số người có hành vi tham nhũng bị Viện Kiểm sát truy tố} \times 3.0}{\text{Số người có hành vi tham nhũng bị cơ quan điều tra đề nghị truy tố}}$		
<b>2.3 Kết quả xét xử tội phạm tham nhũng (TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ)</b>		<b>4.0</b>
<p>Chỉ số này đánh giá kết quả xét xử tội phạm tham nhũng của Tòa án cấp huyện, cấp tỉnh.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> $\text{Điểm đánh giá} = \frac{\text{Số người bị Tòa án kết án về hành vi tham nhũng} \times 4.0}{\text{Số người có hành vi tham nhũng bị Viện Kiểm sát truy tố}}$		
<b>3. Thu hồi tài sản tham nhũng (CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ THÀNH PHỐ)</b>		<b>10</b>
<b>3.1. Thu hồi tiền và tài sản tham nhũng</b>		<b>5.0</b>
<p><b>3.1.1 Tiền và tài sản thu hồi được qua các biện pháp hành chính:</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá hiệu quả của địa phương trong việc thu hồi tiền, tài sản bị tham nhũng thông qua biện pháp hành chính.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p>		2.5



<p style="text-align: center;">Số tiền, tài sản đã thu hồi được x <b>2.5</b></p> <p>Điểm đánh giá = <math>\frac{\text{Số tiền, tài sản đã thu hồi được} \times 2.5}{\text{Số tiền, tài sản bị tham nhũng phải thu hồi}}</math></p>	
<p><b>3.2.2 Tiền, tài sản thu hồi được qua thi hành bản án hình sự:</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá hiệu quả của địa phương trong việc thu hồi tiền, tài sản bị tham nhũng thông qua thi hành bản án hình sự</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> <p style="text-align: center;">Số tiền, tài sản đã thu hồi được x <b>2.5</b></p> <p>Điểm đánh giá = <math>\frac{\text{Số tiền, tài sản đã thu hồi được} \times 2.5}{\text{Số tiền, tài sản bị tham nhũng phải thu hồi}}</math></p>	2.5
<p><b>3.2 Tỷ lệ đất đai đã thu hồi được</b></p>	<b>5.0</b>
<p><b>3.2.1 Đất đai thu hồi được qua các biện pháp hành chính:</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá hiệu quả trong việc thu hồi đất đai bị tham nhũng thông qua các biện pháp hành chính của địa phương.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> <p style="text-align: center;">Số đất đai bị tham nhũng đã thu hồi được x <b>2.5</b></p> <p>Điểm đánh giá = <math>\frac{\text{Số đất đai bị tham nhũng đã thu hồi được} \times 2.5}{\text{Số đất đai bị tham nhũng phải thu hồi}}</math></p>	2.5
<p><b>3.2.2 Đất đai thu hồi được qua thi hành bản án hình sự</b></p> <p>Chỉ số này đánh giá hiệu quả trong việc thu hồi đất đai bị tham nhũng thông qua thi hành bản án hình sự của địa phương.</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> <p style="text-align: center;">Số đất đai bị tham nhũng đã thu hồi được x <b>2.5</b></p> <p>Điểm đánh giá = <math>\frac{\text{Số đất đai bị tham nhũng đã thu hồi được} \times 2.5}{\text{Số đất đai bị tham nhũng phải thu hồi}}</math></p>	2.5